

thời cần hiểu rõ tính chất phức tạp của lớp phủ thổ nhưỡng bởi vì thổ nhưỡng là nơi tiếp xúc, xâm nhập của tất cả các thành phần tự nhiên.

– Về quá trình phong hoá và sự hình thành đất : Phần này nhằm giải quyết vấn đề : Đất được thành tạo như thế nào ? Bản chất của sự hình thành đất là gì ? Để thực hiện mục tiêu này, giáo viên cần cho sinh viên hiểu được rằng đó là kết quả của quá trình trao đổi vật chất và năng lượng giữa các cơ thể sống và các sản phẩm phong hoá đá. Sự trao đổi này được thực hiện thông qua hai vòng tuần hoàn : Đại tuần hoàn địa chất và tiểu tuần hoàn sinh vật.

– Thành phần vật chất và các đặc tính lí hoá chính của đất : Về phần này, giáo trình chỉ đề cập tới những nội dung chủ chốt nhất, nhằm cung cấp cho sinh viên thấy được nguồn gốc, đặc điểm và tính chất của từng thành phần vật chất của đất, làm cơ sở để nắm bản chất của các hiện tượng, quá trình xảy ra trong đất, từ đó hiểu được đặc tính chủ yếu của từng loại đất trong từng đới tự nhiên.

– Về phần các quy luật phân bố và sự phân bố đất địa phương : Đây là phần trọng tâm của chương này. Trước hết giáo viên cần cho sinh viên hiểu nguyên nhân gây nên sự phân bố khác nhau của đất trên thế giới.

Thứ hai là cần thấy rõ tính chất đa dạng và phức tạp của lớp phủ thổ nhưỡng thế giới. Mặc dù loại đất nào cũng do tác động tổng hợp của năm nhân tố hình thành đất, song cái quyết định sự đa dạng và phức tạp lại là do mức độ tác động của từng nhân tố trong những hoàn cảnh tự nhiên khác nhau.

Đối với từng loại đất đặc trưng cho từng đới đất, giáo viên cần cho sinh viên hiểu rõ về sự phân bố, các điều kiện thành tạo, các đặc trưng chính và ý nghĩa kinh tế của chúng.

– Phần sử dụng và bảo vệ đất : Cần hiểu rõ đất đai là tài nguyên quý giá của nhân loại vì đất đã nuôi sống con người bằng các sản phẩm sinh vật lấy ra từ đất. Do đó con người cần có ý thức sử dụng lâu bền, cần có trách nhiệm bảo vệ chống sự thoái hoá của đất.

3. Phương pháp giảng dạy

Ba nội dung đầu thuộc về cơ sở lí luận của sự hình thành đất. Vì thế, phương pháp giảng dạy nên áp dụng là phương pháp dùng lời để trình bày bài giảng nhằm mô tả, giải thích các hiện tượng và quá trình xảy ra trong đất. Tuy nhiên đất lại là vật thể tự nhiên rất quen thuộc đối với mỗi người ; vì thế giáo viên có thể sử dụng cả phương pháp đàm thoại (hỏi–đáp) bằng cách ra những câu hỏi dựa vào vốn kiến thức, kinh nghiệm, vốn sống của sinh viên để họ cùng tham gia và chủ động tìm tòi kiến thức mới ; hoặc tìm ra cơ sở lí luận của những hiện tượng, quá trình mà các em quan sát được trong cuộc sống hàng ngày.

– Về các quy luật phân bố và sự phân bố đất thế giới. Đây là một nội dung mang tính trừu tượng, đòi hỏi sinh viên suy luận trên cơ sở những kiến thức của họ. Phương pháp sử dụng bản đồ và sử dụng đồ dùng trực quan như tranh ảnh các đới cảnh quan, ảnh chụp các phẫu diện đất, hay băng hình, đĩa CD... về các đới tự nhiên là phương pháp khá thích hợp.

Qua bản đồ, tranh màu và phim ảnh, sinh viên có thể hình dung bao quát những khu vực rộng lớn, những lãnh thổ khác nhau trên Trái Đất mà họ không có điều kiện đặt chân tới.

Tất nhiên người giáo viên cần làm cho sinh viên nắm được nội dung và biết cách đọc bản đồ đất. Không những chỉ dừng lại ở chỗ nắm được sự phân bố của đất mà còn phải biết kết hợp với những kiến thức địa lí tự nhiên để tìm ra mối liên hệ giữa đất với các đới tượng trên bản đồ, trả lời được rằng tại sao loại đất này lại phân bố ở đây chứ không phải ở nơi khác ; hoặc tại sao ở châu lục này sự phân bố đất mang tính địa đới theo chiều ngang rất rõ rệt, nhưng ở lục địa khác chúng lại phân bố theo hướng kinh tuyến?

– Về nội dung sử dụng và bảo vệ đất : Ngoài phương pháp sử dụng đồ dùng dạy học như tranh ảnh, băng hình, bản đồ, giáo viên cũng nên sử dụng phương pháp đàm thoại gợi mở để sinh viên có thể tự bộc bạch nhận thức của họ về những nguyên nhân và hậu quả của những hành vi tiêu cực trong hoạt động sử dụng đất đai. Qua đó, họ có thể tự rút ra trách nhiệm bảo vệ nguồn tài nguyên quý giá này.

B - PHẦN THỰC HÀNH

Toàn bộ chương gồm năm bài thực hành : Ba bài đầu nhằm vận dụng kiến thức đã học để phát hiện quy luật phân bố đất, đồng thời rèn luyện kĩ năng đọc và phân tích bản đồ đất nhằm rút ra những nhận xét cần thiết.

Hai bài sau đòi hỏi vận dụng kiến thức đã học vào thực tế để nhận biết những loại đất của địa phương và tập làm báo cáo về một vấn đề cụ thể có liên quan đến sản xuất.

1.2. Vận dụng lí luận dạy học địa lí vào dạy những bài liên quan đến thổ nhưỡng ở chương trình Trung học cơ sở.

Trong chương trình THCS hiện hành, chỉ có 1 tiết thuộc bài 26 của chương trình lớp 6 trình bày riêng về "Đất. Các nhân tố hình thành đất". Các lớp 7, 8, 9 không có tiết học nào đề cập riêng về đất mà ở một số bài, đôi chỗ chỉ đề cập tên của một vài loại đất. Tuy nhiên dù là dạy một bài có nội dung riêng về đất hoặc

chỉ đề cập tới tên của chúng, cũng đều đòi hỏi người dạy biết vận dụng lí luận dạy học vào từng trường hợp cụ thể. Dưới đây là phần gợi ý dạy bài 26 của SGK Địa 6.

Tên bài : ĐẤT. CÁC NHÂN TỐ HÌNH THÀNH ĐẤT

a) Mục tiêu bài học

Về kiến thức :

- Nắm khái niệm về đất.
- Biết được các thành phần của đất.
- Hiểu rõ tầm quan trọng của độ phì đất.
- Hiểu về vai trò các nhân tố hình thành đất.

Về kỹ năng :

- Rèn luyện kĩ năng quan sát và nhận xét một số đặc trưng của đất.
- Rèn luyện kĩ năng vận dụng những kiến thức ở các lớp dưới để suy đoán về nguồn gốc các thành phần trong đất.

Về thái độ, hành vi :

- Thấy rõ vai trò của con người trong canh tác nông nghiệp có tác dụng lớn đối với độ phì nhiêu đất.

b) Những điều cần lưu ý

Để đạt mục tiêu trên, người dạy cần nắm trọng tâm của bài và áp dụng những phương pháp dạy học, hình thức tổ chức dạy học thích hợp.

Trọng tâm của bài thuộc mục 1 và 3.

- Mục 1 :

+ Giáo viên cần cho học sinh hiểu một cách đơn giản về đất – đó là lớp vật chất vụn bở nằm ở bề mặt các lục địa. Lớp đất này xuất hiện trước khi có con người trên Trái Đất, do đó có thể nói rằng đất là một vật thể tự nhiên cũng như các vật thể tự nhiên khác như : núi, sông, hồ...

+ Cần cho học sinh biết đất là một thành phần của vỏ địa lí, được sinh ra từ các sản phẩm phong hoá của đá ở bề mặt Trái Đất dưới tác động của các nhân tố tự nhiên. Khái niệm đất không đồng nghĩa với khái niệm đất trồng trong nông nghiệp. Đất trồng trong nông nghiệp thường chỉ liên quan đến lớp đất mỏng khoảng 20cm ở bề mặt đất, có tác dụng rất lớn đối với sinh trưởng của cây trồng, thường xuyên chịu tác động của con người.

– Mục 3 : Các nhân tố hình thành đất.

+ Các nhân tố tự nhiên như: đá, địa hình, sinh vật, khí hậu... cũng chính là các nhân tố hình thành đất. Nơi nào trên Trái Đất cũng có mặt đủ các nhân tố đó, nhưng ở mỗi khu vực các nhân tố đó lại có những đặc điểm riêng khiến các loại đất ở các lục địa của Trái Đất rất phong phú và đa dạng.

+ Mỗi nhân tố hình thành đất đều có vai trò nhất định trong sự thành tạo đất, không thể thay thế cho nhau. Tuy nhiên, trong số đó khí hậu, sinh vật và đá mẹ là quan trọng nhất.

Phương pháp dạy học:

Bài 26 là loại bài truyền thụ kiến thức và kỹ năng mới. Mặc dù khái niệm đất, độ phì là những khái niệm mới đối với học sinh, nhưng đất lại là một vật thể tự nhiên rất quen thuộc đối với các em, do đó đối với bài này, ngoài việc áp dụng *phương pháp diễn giảng* để giải thích những khái niệm mới như : đất, độ phì, khoáng vật, vật chất hữu cơ... giáo viên nên sử dụng thêm *phương pháp đàm thoại* : dựa vào vốn kiến thức ở tiểu học và những hiểu biết thực tế để học sinh trả lời các câu hỏi nhằm khắc sâu các kiến thức mới.

Giáo viên có thể dựa ngay vào những câu hỏi trong bài (phần in nghiêng) để hỏi học sinh.

Về hình thức tổ chức dạy học:

Dạy học chính là quá trình tổ chức cho học sinh lĩnh hội tri thức. Đối với bài này, giáo viên có thể đưa học sinh ra ngoài lớp tiếp xúc với vườn trường hoặc một vài thửa ruộng hoặc một khu đất nào đó và học ngay trên thực địa. Hình thức này giúp cho việc lĩnh hội tri thức của học sinh đạt được nhiều hiệu quả. Nếu có điều kiện giáo viên có thể cho các em quan sát các lớp đất ở một taluy đường, hoặc các lớp đất ở vách của một con mương mới đào. Hình thức tổ chức dạy học tại thực địa như thế này không những giúp cho các em dễ nhận thức về các đặc điểm của đất như : màu sắc, các lớp đất, đất tốt, đất xấu... mà còn thực hiện được mục tiêu giúp các em nhận thức rõ vấn đề bảo vệ đất đai là trách nhiệm của mọi người.

c) Về thiết bị dạy học

- Một hộp mẫu đất có các tầng đất khác nhau.
- Ảnh màu một phẫu diện đất.

§2. VẬN DỤNG LÝ LUẬN DẠY HỌC ĐỊA LÍ VÀO GIẢNG DẠY CHƯƠNG SINH QUYỂN

2.1. Vận dụng lý luận dạy học Địa lí vào giảng dạy chương Sinh quyển ở trường Cao đẳng Sư phạm:

Chương sinh quyển dạy trong 15 tiết (12 tiết lí thuyết và 3 tiết thực hành)

Phần lí thuyết gồm 6 vấn đề sau :

- Khái niệm về sinh quyển. Phạm vi, thành phần vật chất, đặc tính và vai trò của sinh quyển.
- Các nhân tố sinh thái và tính thích nghi sinh vật
- Quần xã sinh vật và hệ sinh thái
- Các quy luật và sự phân bố sinh vật trên Trái Đất
- Loài người trên Trái Đất
- Một số vấn đề về sử dụng và bảo vệ tính đa dạng của nguồn tài nguyên sinh vật.

A- PHẦN LÍ THUYẾT

1. Mục tiêu

- Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lớp vỏ sinh vật, giúp họ hiểu rõ nội dung các khái niệm, những mối quan hệ có tính quy luật giữa sinh vật với sinh vật, giữa sinh vật với môi trường, vai trò của con người trong sinh quyển.

- Rèn luyện cho sinh viên kĩ năng đọc, phân tích các sơ đồ, bản đồ để họ nắm chắc hơn kiến thức và có thể sử dụng giảng dạy cho học sinh phổ thông.

- Thông qua việc cung cấp kiến thức, góp phần bồi dưỡng thế giới quan duy vật biện chứng, biết vận dụng kiến thức vào thực tiễn sản xuất, hình thành ý thức và hành vi bảo vệ tài nguyên sinh vật, bảo vệ môi trường cho sinh viên.

2. Một số điều cần chú ý về nội dung

- Về khái niệm sinh quyển cần nhấn mạnh vai trò của các cơ thể sống. Chính hoạt động sống của sinh vật đã gắn kết các quyển thành phần của lớp vỏ Trái Đất bằng chu trình sinh địa hoá và nó cũng quy định phạm vi, cấu trúc, đặc tính của sinh quyển.

– Sinh vật và môi trường có mối quan hệ tương tác với nhau một cách biện chứng thông qua quá trình trao đổi vật chất và năng lượng: Môi trường ảnh hưởng đến sinh vật, hình thành những đặc điểm thích nghi ở sinh vật ; sinh vật cũng tác động trở lại môi trường, cải tạo môi trường. Sinh vật có sự đa dạng, phong phú như ngày nay là kết quả của quá trình tiến hóa lâu dài dưới tác động của quy luật chọn lọc tự nhiên. Con người có thể nhận thức được các quy luật chi phối sự hoạt động, sự tồn tại và phát triển của sinh vật, vì vậy có thể cải tạo sinh vật theo hướng có lợi cho mình. Sự thiếu hiểu biết có thể dẫn đến những hành động làm tổn hại đến sinh vật, làm tổn hại đến môi trường.

– Sinh quyển nói chung và mỗi hệ sinh thái nói riêng có các đặc trưng cơ bản là :

Tuần hoàn vật chất diễn ra trong chuỗi thức ăn đồng thời với nó là sự chuyển hoá dòng năng lượng đã quy định cấu trúc chức năng và sự vận động của hệ sinh thái. Do vậy, hệ sinh thái là một hệ thống động lực, nghĩa là nó có quá trình phát sinh – phát triển (quá trình diễn thế sinh thái) và nó có khả năng tự điều chỉnh, tự lập lại thế cân bằng.

– Cơ sở của sự phân bố của các kiểu hệ sinh thái trên Trái Đất dưới tác động của các quy luật địa đới và phi địa đới là mối quan hệ thích nghi giữa sinh vật và môi trường. Khi giảng dạy cần chứng minh được mối quan hệ phù hợp giữa thành phần các loài động, thực vật và tính thích nghi sinh thái của chúng với môi trường trong mỗi kiểu hệ sinh thái.

– Việc giảng dạy phân sinh quyển không chỉ cung cấp tri thức khoa học, rèn luyện kỹ năng mà còn góp phần giáo dục nhân cách cho sinh viên. Giáo dục bảo vệ môi trường là nội dung mà giáo viên có thể lồng ghép khi dạy mục 6 của chương này.

3. Phương pháp giảng dạy

a) Hình thành các khái niệm

Giáo viên cần xác định rõ hệ thống những khái niệm, những tri thức cần cung cấp cho sinh viên trong chương trình học. Những khái niệm đó được sắp xếp theo một trình tự nhất định, khái niệm trước chuẩn bị cho khái niệm sau, giữa các khái niệm có mối quan hệ với nhau, nhằm từng bước phát triển nhận thức khoa học.

Trong phần sinh quyển, hệ thống các khái niệm cơ bản cần hình thành cho sinh viên là : Sinh quyển, nhân tố sinh thái, tính thích nghi của sinh vật, quần xã sinh vật, chuỗi thức ăn, tháp dinh dưỡng, hệ sinh thái, cấu trúc thành phần, cấu trúc không gian, cấu trúc dinh dưỡng của hệ sinh thái, chu trình sinh địa hoá,

tuần hoàn vật chất và chuyển hoá năng lượng, diễn thế và tiến hoá của hệ sinh thái, quy luật địa đới, quy luật phi địa đới, tính đa dạng sinh học, miền địa lí sinh vật.

Các khái niệm này rất trừu tượng, đòi hỏi người giáo viên phải suy nghĩ, lựa chọn hình thức, phương pháp dạy học sao cho thích hợp để đạt hiệu quả cao nhất. Cần phải phối hợp nhuần nhuyễn các phương pháp dạy học, sử dụng phương pháp trực quan hay phương pháp dùng lời cho phù hợp với nội dung kiến thức, với điều kiện giảng dạy.

Muốn hình thành những khái niệm cho sinh viên một cách chính xác, chắc chắn, giáo viên cần giải thích bản chất nội dung khái niệm một cách khoa học đúng đắn, cần sử dụng triệt để các tranh ảnh, sơ đồ, bản đồ trong giáo trình, nêu ví dụ thực tế. Các phương pháp hỗ trợ khác cần tăng cường như sử dụng phương pháp trực quan, cho sinh viên khảo sát thực tế địa phương, sưu tập tranh ảnh, xem phim băng hình. Trong phương pháp dùng lời cần tăng cường đàm thoại, nêu vấn đề thảo luận để giúp sinh viên chủ động nắm bắt kiến thức, phát triển tư duy và khắc sâu kiến thức.

b) Phương pháp phân tích mối quan hệ trong phân sinh quyển

Phương pháp này là sự thể hiện quan điểm tổng hợp, phương pháp luận cơ bản trong nghiên cứu các đối tượng địa lí. Người giáo viên cần sử dụng phương pháp này để dẫn dắt sinh viên nghiên cứu chương sinh quyển. Trong sinh quyển, sinh viên cần tìm hiểu và giải thích hàng loạt mối quan hệ. Ví dụ quan hệ giữa sinh vật với môi trường, quan hệ giữa các nhân tố sinh thái với sự phân bố của sinh vật, giữa động vật và thực vật, giữa các nhóm sinh vật ở bậc dinh dưỡng khác nhau trong cấu trúc dinh dưỡng của hệ sinh thái, giữa con người với sự phân bố sinh vật. Mối quan hệ phụ thuộc nhau giữa các hiện tượng là mối quan hệ có tính quy luật, nó được khái quát hóa từ nhiều hiện tượng riêng lẻ. Khi đã khái quát nắm bắt được quy luật rồi thì việc tìm hiểu bản đồ phân bố các kiểu hệ sinh thái và rút ra các đặc điểm cơ bản về điều kiện sinh thái và thành phần loài động, thực vật của nó một cách dễ dàng.

Việc sử dụng các phương pháp đàm thoại gợi mở, phương pháp trao đổi thảo luận, viết bài tập ngắn để sinh viên phát triển tư duy, phát huy tính chủ động nắm bắt tri thức là cách giảng dạy tốt nhất thực hiện đối với các mục 2 và 4 của chương này.

c) Phương pháp trực quan phân tích các sơ đồ, hình vẽ trong giáo trình kết hợp khảo sát, tham quan thực tế, tìm hiểu tình trạng khai thác tài nguyên sinh vật ở địa phương giúp sinh viên hiểu sâu hơn kiến thức đồng thời giáo dục nhân cách cho sinh viên.

Tóm lại: Trong việc giảng dạy phần Sinh quyển cần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản, hiện đại, chính xác về sinh quyển gắn với thực tiễn Việt Nam. Cần chú ý tới việc rèn luyện kỹ năng quan sát thực tế, quan sát các phương tiện trực quan, quan tâm tới hoạt động tích cực chủ động của sinh viên trong lĩnh hội tri thức, đồng thời góp phần giáo dục nhân cách cho họ, nhất là ý thức và hành vi bảo vệ môi trường.

B – PHẦN THỰC HÀNH

1. Mục đích

- Rèn luyện kỹ năng đọc và phân tích bản đồ
- Mở rộng kiến thức về phân địa lí sinh vật và phân bố các chủng tộc người

2. Nội dung và phương pháp thực hành

a) Nội dung thực hành

Bài 1: Các miền động vật, thực vật trên lục địa

Bài 2: Các miền động vật, thực vật đại dương thế giới

Bài 3: Các chủng tộc người trên thế giới

b) Phương pháp thực hiện :

– Giáo viên giảng các khái niệm, nguyên tắc phân chia các miền địa lí sinh vật và hướng dẫn sinh viên đọc nhận biết các miền trên bản đồ.

– Sinh viên đọc phân mô tả các miền thực vật và các miền động vật viết trong giáo trình và làm bài tập theo nội dung yêu cầu.

– Về bài tập 3, phát huy khả năng tự học của sinh viên yêu cầu họ đọc các mục 2.2, 2.3, 2.4 trong giáo trình và thực hiện bài tập theo nội dung yêu cầu.

2.2. Vận dụng lí luận dạy học Địa lí vào dạy bài Lớp vỏ sinh vật ở chương trình Trung học Cơ sở.

Trong sách giáo khoa địa lí 6 chỉ có 1 bài thuộc kiến thức chương Sinh quyển của giáo trình Cao đẳng Sư phạm. Đó là bài 27. Dưới đây là phần gợi ý dạy bài này.

Tên bài : LỚP VỎ SINH VẬT. CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN SỰ PHÂN BỐ THỰC, ĐỘNG VẬT TRÊN TRÁI ĐẤT

a) Mục tiêu bài học

Về kiến thức:

- Khái niệm lớp vỏ sinh vật, phạm vi của lớp vỏ sinh vật

- Các nhân tố tự nhiên ảnh hưởng đến sự phân bố thực, động vật.
 - Các mối quan hệ trong lớp vỏ sinh vật : giữa môi trường tự nhiên với sinh vật, giữa thực vật và động vật, giữa con người với các sinh vật khác
 - Ảnh hưởng của con người đối với sự phân bố thực, động vật trên Trái Đất
- Về kĩ năng:

- Rèn luyện kĩ năng quan sát, nhận xét so sánh tìm ra mối quan hệ giữa môi trường tự nhiên và thực động vật qua các hình trong sách giáo khoa.

Về thái độ, hành vi :

Có hành vi tích cực bảo vệ các loài sinh vật tự nhiên và môi trường sống của chúng.

b) Những điểm cần chú ý

Mục 1: Lớp vỏ sinh vật : Giáo viên cần nhấn mạnh một ý là khái niệm lớp vỏ sinh vật được hiểu là bộ phận của lớp vỏ Trái Đất có các sinh vật sống (còn gọi là sinh vật quyển) Phạm vi của lớp vỏ đó bao gồm phần dưới của khí quyển, tầng sâu thạch quyển tới 4500m và đáy sâu đại dương, ở những nơi có các cơ thể sống.

Mục 2: Lưu ý là trong các nhân tố tự nhiên ảnh hưởng đến sinh vật thì quan trọng nhất là nhân tố khí hậu.

Mục 3: Về ảnh hưởng của con người đến sự phân bố thực, động vật, cần nêu 2 ý :

- Ảnh hưởng của con người có thể là tích cực hoặc tiêu cực.
- Con người có thể gây ảnh hưởng trực tiếp tới sự phân bố sinh vật hoặc gây ảnh hưởng gián tiếp thông qua tác động đến môi trường sống của chúng .

c) Phương pháp dạy học

Bài này được trình bày trong sách giáo khoa rõ ràng với nhiều tranh ảnh và câu hỏi phát vấn, kiến thức không khó, các em cũng đã được làm quen trong thực tế hoặc trong chương trình truyền hình. Ngoài phương pháp diễn giải, lựa chọn ngôn từ giàu hình ảnh hấp dẫn, giáo viên cần gợi ý để học sinh biết quan sát, nêu nhận xét theo những câu hỏi trong sách.

- Phương pháp đàm thoại cũng rất dễ thực hiện và gây hứng thú khi học bài này.

- Khi dạy mục 3 giáo viên nên gợi ý cho các em liên hệ thực tế tìm hiểu giới sinh vật ở địa phương, sưu tầm tài liệu, tranh ảnh về các loài chim thú quý của

đất nước, sự suy giảm tài nguyên rừng và các loài sinh vật, tình trạng ô nhiễm, thu hẹp các vùng sinh sống của sinh vật ở địa phương.

– Giáo viên có thể sưu tầm thêm tranh ảnh, sơ đồ để minh họa thêm bài giảng (các sơ đồ có trong giáo trình ở hệ Cao đẳng Sư phạm và bậc Đại học).

§3. VẬN DỤNG LÝ LUẬN DẠY HỌC ĐỊA LÍ VÀO GIẢNG DẠY CHƯƠNG III (LỚP VỎ CẢNH QUAN VÀ CÁC QUY LUẬT ĐỊA LÍ TỰ NHIÊN CỦA TRÁI ĐẤT)

3.1. Vận dụng lý luận dạy học Địa lí vào giảng dạy Chương III ở Cao Đẳng Sư phạm

Chương III dạy trong 15 tiết (12 tiết lí thuyết và 3 tiết thực hành)

Nội dung phần lí thuyết gồm 4 mục sau:

- Lớp vỏ cảnh quan của Trái Đất
- Các quy luật địa lí chung của Trái Đất
- Các đới cảnh quan trên Trái Đất
- Con người và môi trường địa lí

A – PHẦN LÝ THUYẾT

a) Mục tiêu

– Hoàn thiện kiến thức Địa lí tự nhiên đại cương, tạo cơ sở cho sinh viên có thể lĩnh hội được kiến thức địa lí tự nhiên khu vực. Hiểu được nguyên nhân sâu sa tạo nên sự khác nhau về môi trường địa lí giữa các khu vực tự nhiên trên Trái Đất.

– Trang bị cho sinh viên phương pháp luận nhận thức đúng đắn về các hệ thống lãnh thổ tự nhiên làm cơ sở cho việc giảng dạy, nghiên cứu và hành động trong việc sử dụng hợp lí tài nguyên thiên nhiên và môi trường tự nhiên

– Cho sinh viên có được nhận thức đúng đắn về mối quan hệ giữa con người và môi trường địa lí, về thực trạng tài nguyên và môi trường hiện nay, đặt cơ sở cho việc học chương trình Địa lí kinh tế- xã hội đại cương, đồng thời có được ý thức và góp phần vào việc bảo vệ tài nguyên và môi trường đất nước.